

PHỤ LỤC I

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4900229907

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 03 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 12 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Cóc Dỹ, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: (0205)3825794

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 9.122.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ một trăm hai mươi hai triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần:

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN GIẢNG VÕ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/04/1956

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 040056001808

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cóc Dỹ, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ 14121000227
NGÀY CẤP 20/01/2011



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 14121000227

Chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2011

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/03/1996; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Xét đề nghị tại Báo cáo thẩm tra dự án số 04/BC-SKHĐT ngày 11/01/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SON

Chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN VỐ



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4906225907 đăng ký lần đầu ngày 18/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 22/4/2010, do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: xóm Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: (025). 3825794;

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Giảng Võ; Chức danh: Giám đốc.

Sinh ngày: 20/4/1956; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 080987290; Ngày cấp: 21/8/1996; Nơi cấp Công an tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: xóm Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẢI TẠO, MỞ RỘNG MỎ ĐÁ VÔI HỒ DỪNG, XÃ ĐỒNG TÂN, HUYỆN HỮU LŨNG.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư: khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh và các vùng lân cận, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội huyện Hữu Lũng và tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Quy mô dự án: đầu tư khai thác và chế biến đá vôi với công suất 169.000 m³ sản phẩm/năm tương đương 130.000m³ đá nguyên khai/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 9,2 ha.

Điều 4. Tổng mức đầu tư: 22.999 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí xây lắp: 1.508 triệu đồng
- Chi phí thiết bị: 16.426 triệu đồng
- Chi phí đền bù GPMB và tái định cư: 1.000 triệu đồng
- Chi phí QLDA, TVĐT, chi phí khác: 912 triệu đồng
- Vốn lưu động: 290 triệu đồng
- Lãi vay XDCB: 876 triệu đồng
- Chi phí dự phòng: 1.984 triệu đồng

Nguồn vốn thực hiện dự án: thực hiện bằng vốn tự có và vay ngân hàng.

Điều 5. Thời gian hoạt động của dự án là 26 năm, kể từ ngày cấp chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ xây dựng cơ bản mỏ: 18 tháng.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án và trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, các Luật có liên quan và các quy định hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, kỹ thuật phục hồi môi trường; cam kết hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng hàng năm đối với công trình giao thông trong khu vực trước khi triển khai thực hiện dự án.



- Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu Công ty cổ phần Võ Núi không thực hiện đầu tư khai thác, chế biến, UBND tỉnh sẽ ra văn bản chấm dứt dự án thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và một bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Giấy chứng nhận đầu tư được sao gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động -Thương Binh và Xã hội, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, UBND Hữu Lũng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

CHỨNG THƯ **Ủy ban Nhân dân** Vinh Quang
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
11-03-2024

SỐ CT: 333.Q.SỐ: 01/SCT-BS

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Ly Hồng Bình

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5363747007

Chứng nhận lần đầu: ngày 20 tháng 01 năm 2011

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01: ngày 26 tháng 01 năm 2025

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02: ngày 24 tháng 8 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 141210000227 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2011;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 5363747007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Lạng Sơn cấp, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01: ngày 26/01/2025;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng của Công ty cổ phần Võ Nói (Nhà đầu tư) nộp ngày 14/08/2026 và hồ sơ kèm theo.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 141210000227, chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2011; được đăng ký điều chỉnh: *Thông tin nhà đầu tư; tên dự án; địa điểm thực hiện; quy mô dự án; thời gian hoạt động dự án; tổng vốn đầu tư, nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án.*

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900229907 đăng ký lần đầu ngày 18/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/8/2026 do Phòng Đăng ký

kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Cóc Dỹ, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: (0205) 3825 794

Người đại diện: Ông Nguyễn Giảng Võ; Chức danh: Giám đốc.

Sinh ngày: 20/04/1956; Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Số định danh cá nhân: 040056001808.

Nơi đăng ký thường trú và địa chỉ liên lạc: Thôn Cóc Dỹ, Xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Khai thác đá vôi, cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0810

3. Quy mô dự án: đầu tư khai thác và chế biến đá vôi với công suất 350.000 m³/năm đá nguyên khối.

4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Diện tích sử dụng đất dự kiến: 80.137 m²

6. Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư: 27.651 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có của nhà đầu tư: 25.733 triệu đồng.

+ Vốn vay: 1.918 triệu đồng.

7. Thời hạn hoạt động dự án: đến ngày 30/9/2032.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ thực hiện dự án: Quý III/2027: đưa mỏ vào hoạt động khai thác theo công suất 350.000m³/ năm đá nguyên khối.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên hệ

thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện dự án đúng theo các nội dung được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, khoáng sản, môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Thực hiện dự án đúng theo phạm vi ranh giới, diện tích được Nhà nước cho thuê đất và cấp quyền sử dụng đất; triển khai thực hiện và khai thác đá vôi đảm bảo an toàn theo quy định;

- Không được chuyển nhượng dự án, mua bán, chuyển quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp nhà đầu tư vi phạm, Dự án có thể bị chấm dứt và cơ quan có thẩm quyền không có bất kỳ nghĩa vụ bồi thường nào.

- Lập báo cáo giám sát đầu tư, báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư định kỳ gửi Sở Tài chính theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy định về nội dung dự án đầu tư cấp tại Giấy chứng nhận đầu tư mã số 5363747007 do Sở Tài chính cấp, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 26/01/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các Sở: XD, NNMT;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Hữu Lũng;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLĐTNN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Mạnh Cường

Số: 1688 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Xem xét Công văn số 40/CV-CTCPVN ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần Võ Núi về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng (nay là xã Hữu Lũng), tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-SNNMT ngày 21/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân,

huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn*) do Công ty cổ phần Võ Núi là chủ dự án, thực hiện tại xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty cổ phần Võ Núi có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã Hữu Lũng; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Võ Núi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án: Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
XÁC NHẬN:**

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Võ Núi.

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Địa điểm hoạt động: Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0913079411

Tài khoản số: 8414201000076 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900229907, đăng ký lần đầu ngày 18/3/2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 22/4/2010, Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn" số 967/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn" tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này, thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng;
- Công ty Cổ phần Võ Núi;
- Lưu: VT, CCBVMT (02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Duyệt



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 1253/GXN-STNMT ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

1. Công trình xử lý nước thải

1.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Loại công trình: Bể tự hoại cải tiến 03 ngăn được xây dựng tại khu vực văn phòng công ty.

- Quy mô, công suất: 5,4 m³.

1.2. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:

- Loại công trình: Mương thu gom, hố lắng, bể tách dầu.

- Quy mô: Hố lắng có kích thước khoảng 20 m³; bể tách dầu tại khu vực xưởng sửa chữa khoảng 5 m³.

2. Công trình xử lý bụi

- Loại công trình: Hệ thống phun nước - khí nén.

- Công suất: Sử dụng máy bơm cao áp, máy nén khí, vòi phun.

- Quy trình vận hành: Sử dụng máy bơm cao áp và máy nén khí để đưa nước và khí nén vào buồng trộn. Tại buồng trộn, dưới áp suất cao, khí và nước sẽ trộn lẫn với nhau tạo thành hỗn hợp nước khí nén. Qua buồng trộn, hỗn hợp khí nén được dẫn tới vòi phun. Vòi phun được thiết kế riêng để biến hỗn hợp nước khí nén thành dạng sương. Các hạt sương này sẽ kết hợp với các hạt bụi và rơi xuống dưới tác dụng của trọng lực.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.1. Công trình quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại, thu hồi; các loại chất thải thải bỏ có khối lượng phát sinh không nhiều nên được xử lý bằng phương pháp đốt tại khu vực mỏ.

3.2. Chất thải rắn sản xuất:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động khai thác đá được tận dụng để làm vật liệu san lấp cho các công trình công nghiệp và dân dụng.

3.3. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại:

- Loại công trình: Nhà kho lưu giữ tạm thời; quy mô: Công trình cấp IV, diện tích khoảng 07 m².

- Quy trình thu gom, lưu giữ: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty được thu gom lưu giữ tạm thời trong các thiết bị chuyên dụng đảm bảo quy định, có dán nhãn phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận

chuyển đi xử lý đảm bảo theo quy định (đơn vị đã có Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại số 080108/2016/HĐKT/MTV ngày 01/8/2016 với Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và môi trường Việt Nam).

4. Công trình bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống cháy nổ, biển cấm, nội quy, thiết bị bình chữa cháy chuyên dụng...
- Trồng cây xanh để giảm thiểu bụi và tạo cảnh quan môi trường khu vực dự án.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: Kèm theo Giấy xác nhận số 1253../GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp lần 01 ngày..02..tháng 12 năm 2016.

6. Yêu cầu khác

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58 /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2011

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 4688/VPCP-KTN ngày 11/7/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản đã tiếp nhận trước ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000227, chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2011 của UBND Lạng Sơn cấp cho Công ty cổ phần Võ Núi;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn";

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Võ Núi nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 29/6/2011;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 04/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Võ Núi được khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng.

- Diện tích khu vực khai thác: 7,65 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3 và 4 thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3° kèm theo Giấy phép này.

- Trữ lượng được phép khai thác: 3.206.993 m³

- Công suất khai thác: 130.000 m³ (đá nguyên khai)/năm.

- Thời hạn khai thác: 25 năm (từ tháng 8/2011 đến tháng 8/2036).

- Loại khoáng sản: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Công ty cổ phần Võ Núi có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Nhà nước.

3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan.

4. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, có phát hiện mới về khoáng sản khác phải thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khu vực; bảo vệ đường giao thông khu vực khai thác và các vùng phụ cận; bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, nguồn nước sản xuất.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20/6/2011.

7. Thực hiện đóng cửa mỏ; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

8. Đóng góp, hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường bộ hàng năm theo quy định.

Điều 3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Võ Núi nộp thiết kế mỏ, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Đồng Tân, Giám đốc Công ty cổ phần Võ Núi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 15

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TN&MT (02 bản), XD, CT, KH&ĐT;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.

CHỨNG THỰC

ĐÃ SAO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

11-03-2024

SỐ CT: 336 Q.SỐ: 01/SCT-BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



* Lý Vĩnh Quang

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số đăng ký: 18 /ĐKKT

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 8 năm 2011

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Công Khánh

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Hồng Bình₂

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:963 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v xác nhận trữ lượng được
phép đưa vào thiết kế khai thác
mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng
Tân, huyện Hữu Lũng

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty cổ phần Võ Núi.

Xem xét Công văn số 04/CV-VN ngày 26/6/2024 của Công ty cổ phần Võ Núi (*địa chỉ: xóm Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng*) về việc đề nghị xác nhận trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác, kèm theo Báo cáo kết quả tính trữ lượng trong ranh giới khu vực được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng; Báo cáo số 448/BC-STNMT ngày 11/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng; UBND tỉnh xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng như sau:

1. Diện tích khu vực đề nghị xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 7,65 ha đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng là một phần của khối trữ lượng 121 và 122, có tổng trữ lượng 4.674.178 m³ (*trữ lượng tính đến ngày 01/01/2024; trong đó: trữ lượng còn lại được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 là 2.036.911,05 m³; trữ lượng huy động vào thiết kế bổ sung khai thác 2.637.266,95 m³*).

Mức thấp nhất khối trữ lượng: + 35 m

3. Tổng trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác đạt 75,38% tổng trữ lượng khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Công ty cổ phần Võ Núi chỉ được thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng theo trữ lượng đã được xác nhận, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng và bản vẽ mặt cắt hiện trạng, các tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khai thác thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khai thác thực tế.

5. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác phải được thể hiện trong Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình UBND tỉnh xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, TNMT (03 bản);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- C, PCVP UBND tỉnh,
Phòng TH, Trung tâm Thông Tin;
- Lưu: VT, KT_(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Lương Trọng Quỳnh

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **93** /HĐTĐ

Lạng Sơn, ngày **18** tháng **11** năm **2019**

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc cho Công ty cổ phần Võ Núi thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

Trên cơ sở Thông báo số 2799/TB-CT ngày 31/10/2019 của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn về đơn giá thuê đất đối với Công ty cổ phần Võ Núi.

Hôm nay, ngày **18** tháng **11** năm **2019**, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

- Địa chỉ trụ sở: Số 01, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông **Bùi Văn Côi** - Giám đốc

- Điện thoại: 02053 870 327 - Fax: 02053 870 327.

II. Bên thuê đất: CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÚI

- Địa chỉ trụ sở: Xóm Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông **Nguyễn Giảng Võ** - Giám đốc.

- Điện thoại: 02053 825794 - Fax:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê **76.534,0 m²** (Bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tư mét vuông) tại thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được xác định theo mảnh Trích đo địa chính số 38-2019 tỷ lệ 1/1.000, do Công ty cổ phần Tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 05/8/2019, được UBND xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

3. Thời hạn thuê đất: **25 năm (kể từ ngày 17/8/2011 đến ngày 17/8/2036 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 của UBND tỉnh).**



3. Thời hạn thuê đất: 25 năm (kể từ ngày 17/8/2011 đến ngày 17/8/2036 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 của UBND tỉnh).

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất:

Toàn bộ diện tích khu đất 76.534,0 m² thuộc khu vực I-nhóm vị trí 1: Đơn giá 702 đồng/m²/năm.

2. Tiền thuê đất theo Hợp đồng này được tính từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/9/2024.

Tiền thuê đất 01 năm là: 53.726.868 đồng (Năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê hàng năm (01 lần/năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn (hoặc theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế).

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

I.C.N V
Ở
GUYỄN
VÀ
TRƯỜNG
LANG S

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



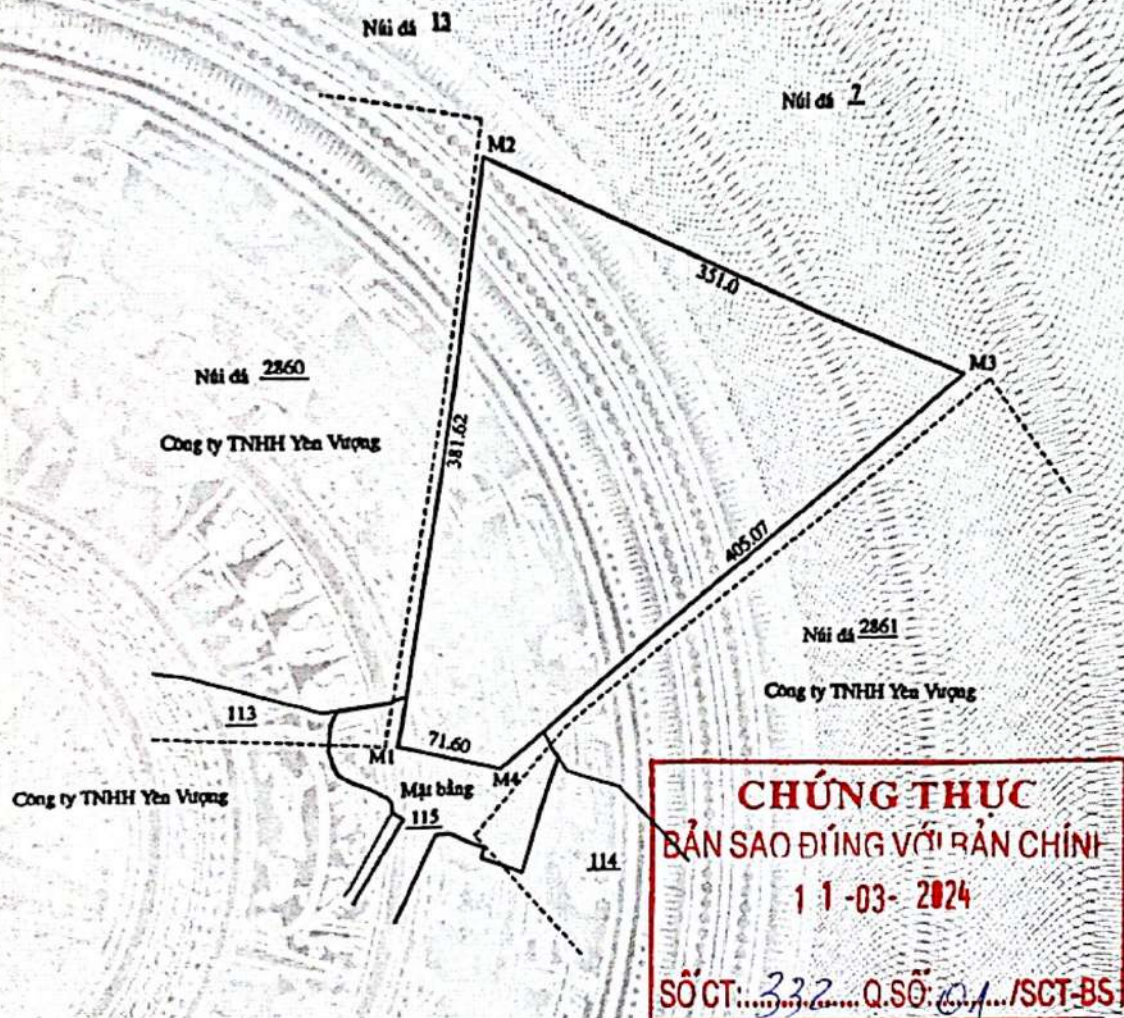
Nguyễn Giảng Võ



Bùi Văn Côi



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Hồng Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần

Mã số doanh nghiệp: 4900229907. Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 22/4/2010 do

Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Đá Bia, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

DC 398539

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 2859, tờ bản đồ số: 01,
- b) Địa chỉ: Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,
- c) Diện tích: 76.534,0 m², (bằng chữ: Bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bốn mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 17/8/2036,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 09 năm 2021

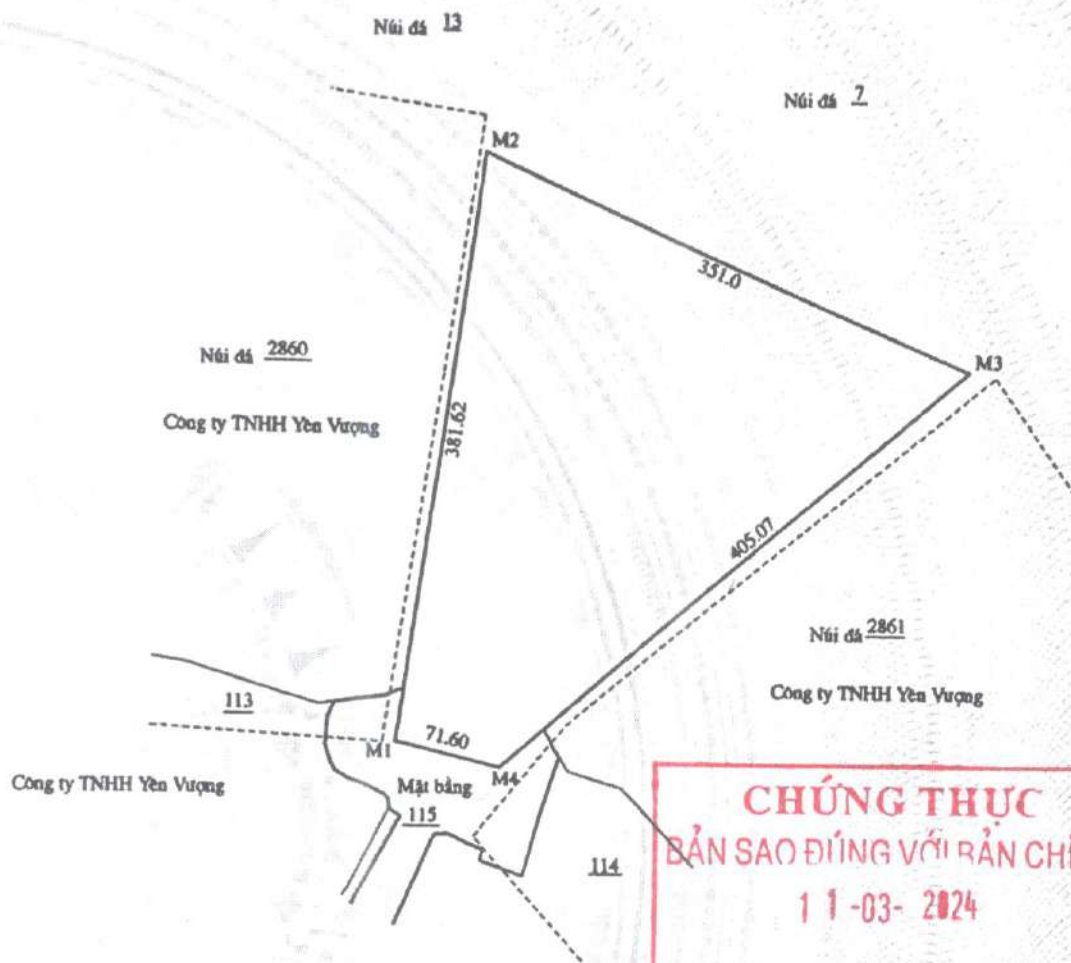
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Bùi Văn Côi

Số vào sổ cấp GCN: CT - . 04.5 93. . .

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
11-03-2024
SỐ CT: 332 Q.SỐ: 01 /SCT-BS

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
PHÓ CHỦ TỊCH  Lý Hồng Bình	

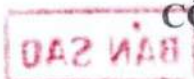
BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AE 076893





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Hữu Lũng

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Hộ ông: Vi Văn Thịnh Sinh năm : 1977

Vợ: Hà Thị Thuý Sinh năm : 1977

Địa chỉ thường trú: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 24

2. Tờ bản đồ số: 12

3. Địa chỉ thửa đất: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn

4. Diện tích: 1218

m²

Bằng chữ: Một ngàn hai trăm mười tám mét vuông

5. Hình thức sử dụng:

-- Sử dụng riêng:

1218

m²

-- Sử dụng chung:

Không

m²

6. Mục đích sử dụng đất:

Đất trồng cây hàng năm khác

7. Thời hạn sử dụng đất:

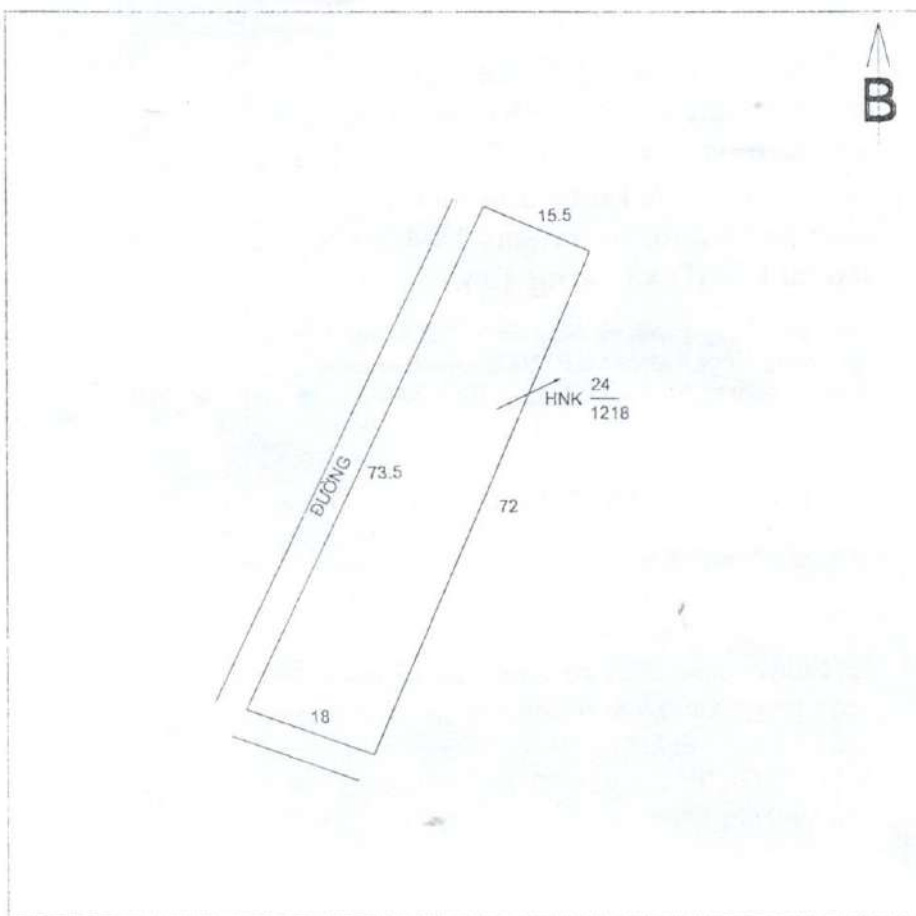
Đến tháng 4/2028

8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V-Sơ đồ thửa đất.



Tỷ lệ: 1:1000

Ngày ~~10~~ tháng 4... năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01417

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
18/4/2008	Chuyển nhượng QSD đất cho ông Nguyễn Giảng Võ sinh ngày 20/4/1956 trú tại thôn Cốc Dỹ xã Đồng Tân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 09 ngày 14/4/2008 lập tại UBND xã Đồng Tân.	GIÁM ĐỐC 
16/4/2008	"Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hữu Lũng hợp đồng thế chấp số 1014 /HĐTC ngày 10/4/ 2008"	GIÁM ĐỐC 
07/4 / 2009	"Xóa thế chấp bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hữu Lũng hợp đồng thế chấp số 1014 /HĐTC ngày 10/4 / 2008"	GIÁM ĐỐC 
29/12/2023	"Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, theo Quyết định số 6132/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Hữu Lũng, hồ sơ số 003712.CM"	GIÁM ĐỐC Ly Thị Thuy Hải 

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Họ Ông: Nguyễn Giảng Võ

Địa chỉ: thôn Đá Bia (Cốc Dĩ), huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Thửa số: 24 tờ bản đồ ĐC số: 12 xã Đồng Tân.

Số phát hành GCNQSDĐ: AE 076 893 số vào sổ cấp giấy: H01417 ngày 10/4/2008.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/4/2009	"Bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hữu Lũng tại hợp đồng bảo lãnh số: 222/HĐTC ngày 02/4 /2009"	  Lý Thị Thuý Hải
26/5/2023	"Xóa nội dung đăng ký thế chấp' ngày 07/4/2009 theo hồ sơ số 000751". CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH 10 -01- 2024 SỐ CT: 56.....Q.SỐ: 04.../SCT-BS PHÓ CHỦ TỊCH   Lý Hồng Bình	  Lý Thị Thuý Hải 

" "

BẢN SAO

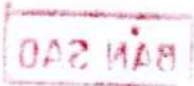


GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AE 076848



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ỦY BAN NHÂN DÂN
Huyện Hữu Lũng - Tỉnh Lạng Sơn

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Hộ ông : **Phùng Văn Hữu**

Địa chỉ thường trú: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn

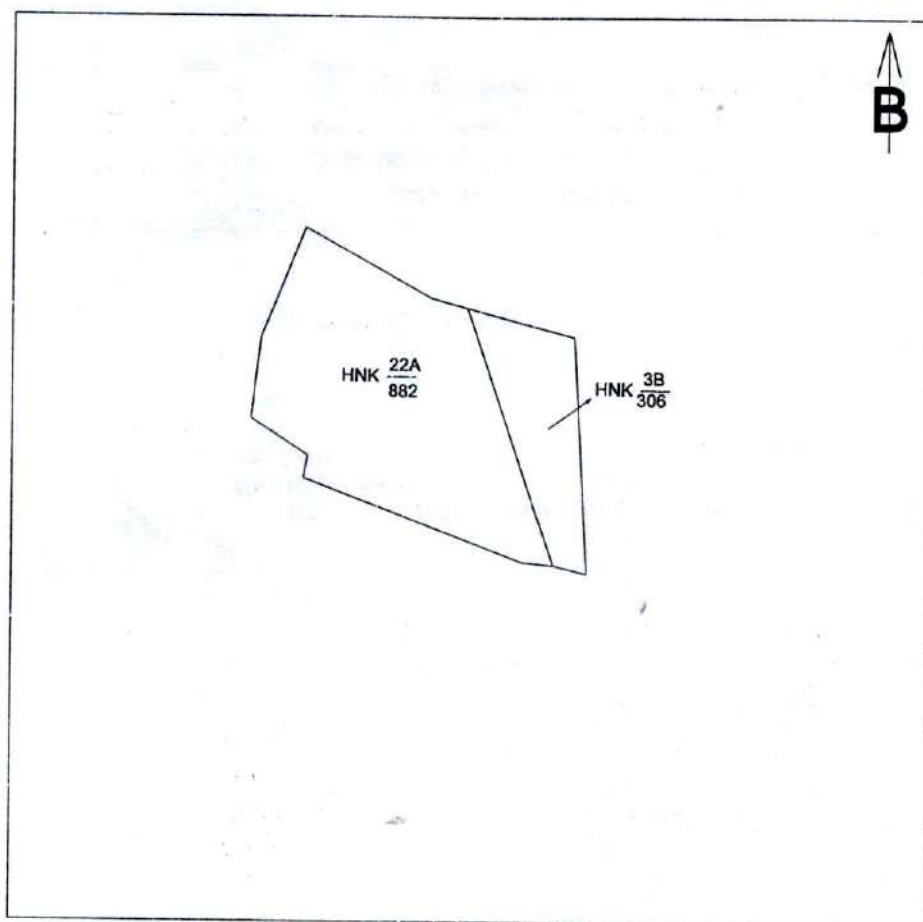
II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 2. Tờ bản đồ số:
3. Địa chỉ thửa đất: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn
4. Diện tích: 1188 m²
Bằng chữ: Một ngàn một trăm tám mươi tám mét vuông
5. Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 1188 m²
 - + Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm khác
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến tháng 01/2028
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ: 1: 1000

Ngày 31 tháng 01 năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

tiền sử dụng đất *



Chỗ để dấu

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01402.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Họ Ông: Nguyễn Giảng Võ

Địa chỉ: thôn Đá Bia (Cốc Dĩ), huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

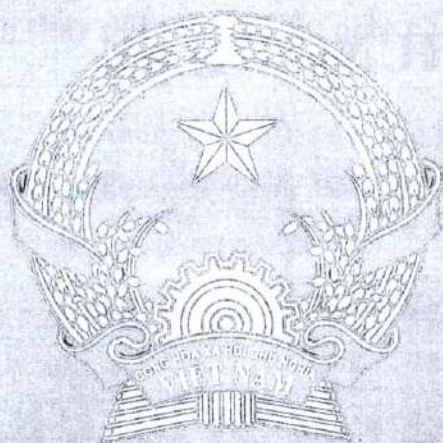
Thửa số: 22A, 3B tờ bản đồ ĐC số: xã Đồng Tân.

Số phát hành GCNQSDĐ: AE 076848 số vào sổ cấp giấy: H01402 ngày 31/01/2008.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/4/2009	"Bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hữu Lũng tại hợp đồng bảo lãnh số: 222/HĐTC ngày 02/4 /2009"	 
26/5/2023	"Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/4/2009 theo hồ sơ số 000751".	  Lý Thị Thúy Hải
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH 10 -01- 2024 SỐ CT:.....54.....Q.SỐ: 61.../SCT-BS PHÓ CHỦ TỊCH   Lý Hồng Bình		

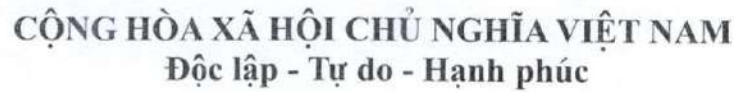
BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AE 076849





Huyện Hữu Lũng - Tỉnh Lạng Sơn

I- Tên người sử dụng đất

Hộ ông : Vy Hồng Xô

Địa chỉ thường trú: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn

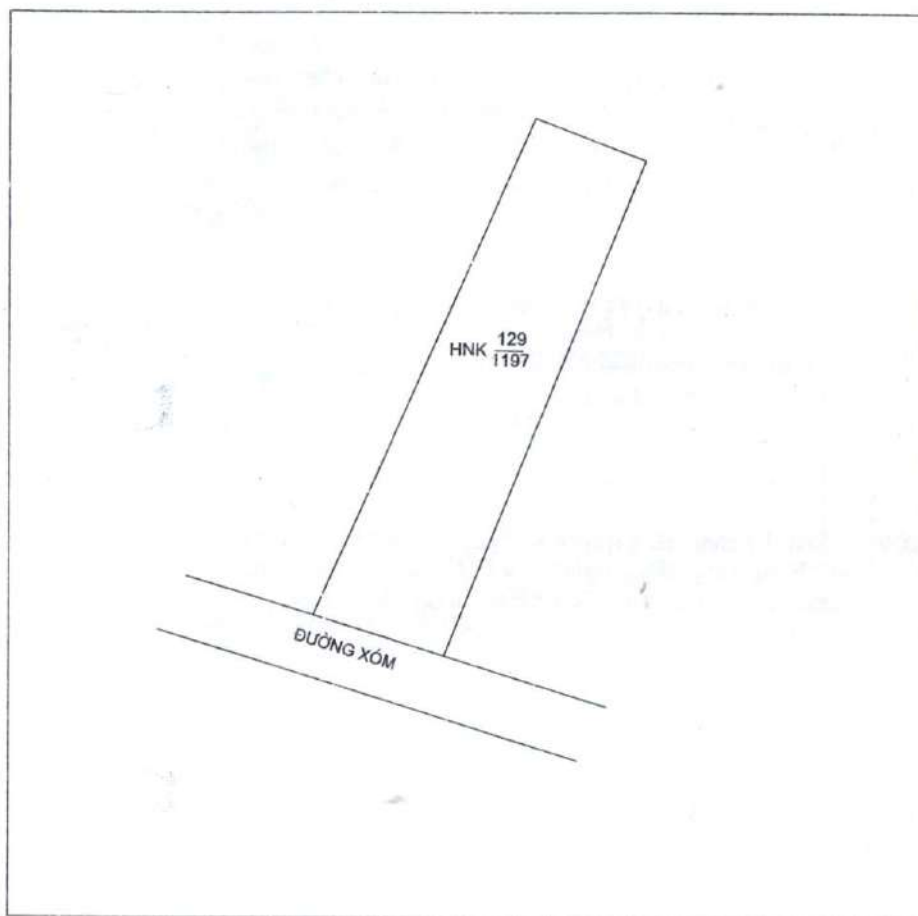
II- Thừa đất được quyền sử dụng

1. Thừa đất số: 129 2. Tờ bản đồ số: 12
3. Địa chỉ thửa đất: thôn Đồng Lai - xã Đồng Tân - huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn
4. Diện tích: 1197 m²
Bằng chữ: Một ngàn một trăm chín mươi bảy mét vuông
5. Hình thức sử dụng:
- | | | |
|------------------|-------|----------------|
| + Sử dụng riêng: | 1197 | m ² |
| + Sử dụng chung: | Không | m ² |
6. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm khác
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến tháng 01/2028
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ: 1: 1000

Ngày 31 tháng 01 năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01403.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Họ Ông: Nguyễn Giảng Võ

Địa chỉ: thôn Đá Bia (Cốc Dĩ), huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Thửa số: 129 tờ bản đồ DC số: 12 xã Đồng Tân.

Số phát hành GCNQSDĐ: AE 076849 số vào sổ cấp giấy: H01403 ngày 31/01/2008.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/4/2009	" Bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hữu Lũng tại hợp đồng bảo lãnh số: 222/HĐTC ngày 02/4 /2009"	  Lý Thị Thủy Hải
26/5/2023	"Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/4/2009 theo hồ sơ số 000751". CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH 10 -01- 2024 SỐ CT: 55.....Q.SỐ: 01.../SCT-BS PHÓ CHỦ TỊCH   Lý Hồng Bình	  Lý Thị Thủy Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên

1. Bên cho thuê đất (Bên A) là: Ông Nguyễn Giảng Võ

- Sinh ngày 20/04/1956

- Hộ khẩu thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- CCCD: 040056001808 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0913.079.411

2. Bên thuê đất (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

- Địa chỉ: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Mã số thuế: 4900229907

- Đại diện là ông: **Nguyễn Thành Luân** chức vụ: Phó giám đốc

- CCCD: 020089001095 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0964.988.888

- Tài khoản số: 8414201000076 tại NH Agribank Hữu Lũng, Lạng Sơn.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Diện tích, vị trí, thời hạn thuê đất.

1.1: Diện tích: Tổng diện tích là: 1 218 m² (Một nghìn hai trăm mười tám mét vuông) được chi tiết cụ thể như sau.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE076893, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01417 do UBND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/04/2008 tên người sử dụng đất ông Nguyễn Giảng Võ, địa chỉ Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Thông tin cụ thể như sau:

+Thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 12.

+ Diện tích: 1 218 m² (Một nghìn hai trăm mười tám mét vuông)

+ Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Hình thức sử dụng: Giao đất có thu tiền sử dụng đất

+ Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2036

1.2. Vị trí khu đất được xác định: Thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 12; tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

1.3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến tháng 08/2036.

Điều 2: Giá tiền thuê đất, phương thức thanh toán.

2.1. Giá tiền thuê đất là: 48.000.000 đồng/năm.



(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng/năm)

2.2. Tiền thuê đất được trả theo phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt.

3.3. Tiền thuê đất bắt đầu được tính từ ngày 01/01/2024.

Điều 3: Mục đích sử dụng đất: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Điều 4: Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 5:

5.1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao khu đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được Bên A cho phép.

5.2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hay một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng.

5.3. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây

- Hết thời hạn thuê đất và không được gia hạn thuê tiếp.
- Bên B bị phát mại tài sản hoặc bị phá sản.

Điều 6: Thỏa thuận khác.

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc Hợp đồng này theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp.

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết.

Điều 8: Trách nhiệm của các bên.

8.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên B xây dựng trên khu đất thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam.

8.2. Bên B có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

Điều 9:

9.1. Hợp đồng này được ký tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

9.2. Hai bên cam kết những nội dung kê khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót xin chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền và trước pháp luật.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nam Sơn Thành Quân

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn - Giang Võ

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 61/TLBĐ

1. Số hiệu thửa đất: 24

Tờ bản đồ địa chính: 12

Địa chỉ thửa đất: Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

2. Diện tích: 1218.0 m²

3. Mục đích sử dụng đất: Xin chuyển mục đích sang đất SKC

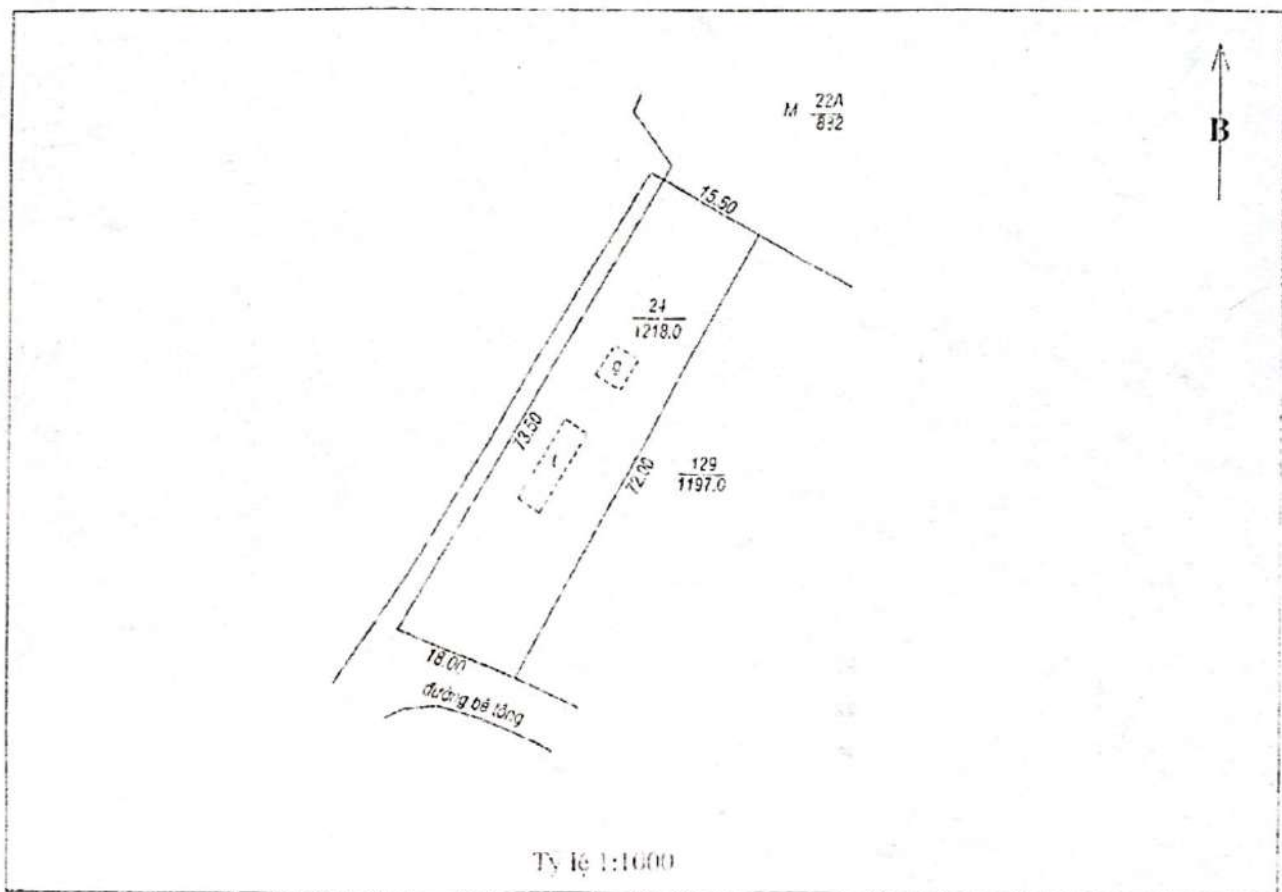
4. Tên người sử dụng đất: Hộ Ông: Nguyễn Giảng Võ

Địa chỉ thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

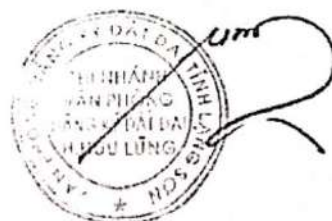
6.1. Sơ đồ thửa đất:



NGƯỜI TRÍCH LỤC

Vi Văn Nghĩa

Hữu Lũng, Ngày 14 tháng 11 năm 2023
CN. VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN HỮU LŨNG
GIÁM ĐỐC



Lý Thị Thúy Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên

1. Bên cho thuê đất (Bên A) là: Ông Nguyễn Giảng Võ

- Sinh ngày 20/04/1956
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- CCCD: 040056001808 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Điện thoại: 0913.079.411

2. Bên thuê đất (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

- Địa chỉ: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Mã số thuế: 4900229907
- Đại diện là ông: **Nguyễn Thành Luân** chức vụ: Phó giám đốc
- CCCD: 020089001095 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Điện thoại: 0964.988.888
- Tài khoản số: 8414201000076 tại NH Agribank Hữu Lũng, Lạng Sơn.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Diện tích, vị trí, thời hạn thuê đất.

1.1: Diện tích: Tổng diện tích là: 1 218 m² (Một nghìn hai trăm mười tám mét vuông) được chi tiết cụ thể như sau.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE076893, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01417 do UBND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/04/2008 tên người sử dụng đất ông Nguyễn Giảng Võ, địa chỉ Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Thông tin cụ thể như sau:

+Thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 12.

+ Diện tích: 1 218 m² (Một nghìn hai trăm mười tám mét vuông)

+ Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Hình thức sử dụng: Giao đất có thu tiền sử dụng đất

+ Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2036

1.2. Vị trí khu đất được xác định: Thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 12; tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

1.3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến tháng 08/2036.

Điều 2: Giá tiền thuê đất, phương thức thanh toán.

2.1. Giá tiền thuê đất là: 48.000.000 đồng/năm.



(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng/năm)

2.2. Tiền thuê đất được trả theo phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt.

3.3. Tiền thuê đất bắt đầu được tính từ ngày 01/01/2024.

Điều 3: Mục đích sử dụng đất: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Điều 4: Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 5:

5.1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao khu đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được Bên A cho phép.

5.2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hay một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng.

5.3. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây

- Hết thời hạn thuê đất và không được gia hạn thuê tiếp.

- Bên B bị phát mại tài sản hoặc bị phá sản.

Điều 6: Thỏa thuận khác.

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc Hợp đồng này theo quy định của luật pháp Việt Nam.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp.

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết.

Điều 8: Trách nhiệm của các bên.

8.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên B xây dựng trên khu đất thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam.

8.2. Bên B có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

Điều 9:

9.1. Hợp đồng này được ký tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

9.2. Hai bên cam kết những nội dung kê khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót xin chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền và trước pháp luật.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Quân

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn - Giang - Võ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên

1. Bên cho thuê đất (Bên A) là: Hộ ông Nguyễn Giảng Võ

1. Ông Nguyễn Giảng Võ sinh ngày 20/04/1956

- Hộ khẩu thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- CCCD: 040056001808 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0913.079.411

2. Bà Hoàng Thị Nói sinh ngày 20/02/1959

- Hộ khẩu thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- CCCD: 020159000592 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0915.797.253

3. Ông Nguyễn Thành Luân sinh ngày 23/02/1989

- Hộ khẩu thường trú: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- CCCD: 020089001095 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0964.988.888

2. Bên thuê đất (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI

- Địa chỉ: Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Mã số thuế: 4900229907

- Đại diện là ông: Nguyễn Giảng Võ chức vụ: Giám đốc

- CCCD: 040056001808 Ngày cấp 04/04/2021, Nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Điện thoại: 0913.079.411

- Tài khoản số: 8414201000076 tại NH Agribank Hữu Lũng, Lạng Sơn.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Diện tích, vị trí, thời hạn thuê đất.

1.1: Diện tích: Tổng diện tích là: 2 385 m² (Hai nghìn ba trăm tám mươi lăm mét vuông) được chi tiết cụ thể ở các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau.

1.1.1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE076848, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01402 do UBND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31/01/2008 tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Giảng Võ, địa chỉ Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Thông tin cụ thể như sau:



+ Thửa đất số 22A, 3B, tờ bản đồ địa chính số 13.

+ Diện tích: 1 188 m² (Một nghìn một trăm tám mươi tám mét vuông)

+ Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Hình thức sử dụng: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2036

1.1.2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE076849, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01403 do UBND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31/01/2008 tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Giảng Võ, địa chỉ Thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Thông tin cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính số 12

+ Diện tích: 1 197 m² (Một nghìn một trăm chín mươi bảy mét vuông)

+ Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Hình thức sử dụng: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2036

1.2. Vị trí khu đất được xác định: Thửa đất số 22A, 3B, tờ bản đồ địa chính số 13; thửa đất số 129 tờ bản đồ địa chính số 12; tại Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

1.3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến tháng 08/2036.

Điều 2: Giá tiền thuê đất, phương thức thanh toán.

2.1. Giá tiền thuê đất là: 96.000.000 đồng/năm.

(Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu đồng/năm)

2.2. Tiền thuê đất được trả theo phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt.

3.3. Tiền thuê đất bắt đầu được tính từ ngày 01/01/2024.

Điều 3: Mục đích sử dụng đất: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Điều 4: Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 5:

5.1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao khu đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được Bên A cho phép.

5.2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hay một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng.

5.3. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây

- Hết thời hạn thuê đất và không được gia hạn thuê tiếp.

- Bên B bị phát mại tài sản hoặc bị phá sản.

Điều 6: Thỏa thuận khác.

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc Hợp đồng này theo quy định của luật pháp Việt Nam.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp.

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết được giải quyết

900229
ÔNG T
CỔ PHẢ
VÕ NÓ
LỦNG - T.L.S

bằng thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án để giải quyết.

Điều 8: Trách nhiệm của các bên.

8.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên B xây dựng trên khu đất thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam.

8.2. Bên B có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

Điều 9:

9.1. Hợp đồng này được ký tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

9.2. Hai bên cam kết những nội dung kê khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót xin chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền và trước pháp luật.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Giảng Võ

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Giảng Võ

Huân
Huân Hu' Núi

[Signature]
Nguyễn Thanh Tuấn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép ông Nguyễn Giảng Võ được chuyển mục đích sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1434/UBND-KT ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 661/TTr-TNMT ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông Nguyễn Giảng Võ; địa chỉ thường trú tại thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được chuyển mục đích sử dụng 1.218m² đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 xã Đồng Tân từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

- Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 28/TLBD do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng lập ngày 14/11/2023 kèm theo.

- Thời hạn sử dụng đất: 13 năm, kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

- Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất;

- Giá đất tính tiền sử dụng đất phải nộp: Theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
2. Hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;
3. Cung cấp thông tin cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực I, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Đồng Tân và ông Nguyễn Giảng Võ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Thị Hạnh



PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Hồng Bình

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc cho phép hộ ông Nguyễn Giảng Võ
được chuyển mục đích sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1434/UBND-KT ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 660/TTr-TNMT ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép hộ ông Nguyễn Giảng Võ; địa chỉ thường trú tại thôn Cóc Dỹ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được chuyển mục đích sử dụng **2.385m²** đất tại thửa đất số 129, 22A, 3B, tờ bản đồ số 12. 13 xã Đồng Tân từ đất trồng cây hàng năm khác (trong đó: **2.079m²** đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 129, 22A tờ bản đồ số 12; **306m²** đất trồng hàng năm khác tại thửa đất số 03B, tờ bản đồ số 13) sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

- Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 62/TLBĐ, 63/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện

Hữu Lũng lập ngày 14/11/2023 kèm theo.

- Thời hạn sử dụng đất: 13 năm, kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

- Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất;

- Giá đất tính tiền sử dụng đất phải nộp: Theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
2. Hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;
3. Cung cấp thông tin cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực I, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Đồng Tân và hộ ông Nguyễn Giảng Vô chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);

- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

10-01-2024

SỐ CT: 52 Q.SỐ: 01/SCT-BS

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Hồng Bình

Dương Thị Hạnh

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Họ Ông: Nguyễn Giảng Võ

Địa chỉ: thôn Đá Bia (Cốc Dĩ), huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Thửa số: 129 tờ bản đồ DC số: 12 xã Đồng Tân.

Số phát hành GCNQSDĐ: AE 076849 số vào sổ cấp giấy: H01403 ngày 31/01/2008.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/4/2009	" Bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và TSGL với đất với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hữu Lũng tại hợp đồng bảo lãnh số: 222/HĐTC ngày 02/4 /2009"	  Lý Thị Thủy Hải
26/5/2023	"Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/4/2009 theo hồ sơ số 000751". CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH 10 -01- 2024 SỐ CT: 55.....Q.SỐ: 01.../SCT-BS PHÓ CHỦ TỊCH   Lý Hồng Bình	   Lý Thị Thủy Hải

Số: /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (CẤP ĐỔI)
Mỏ đá vôi Hố Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hố Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5363747007, chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2011, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 26/01/2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) cấp cho dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hố Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hố Dừng tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn);

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Xét hồ sơ đề nghị cấp đổi, kết hợp với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn của Công ty cổ phần Võ Núi nộp trực tuyến ngày 15/10/2025; hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung nộp ngày 24/11/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1042/TTr-SNNMT ngày 23/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Võ Núi được khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ đá vôi Hồ Dừng thuộc xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

1. Loại khoáng sản:
 - a) Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (nhóm III).
 - b) Khoáng sản đi kèm: không có.
2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: 7,65 (ha).
 - b) Mức sâu khai thác: từ mức +295 (m) đến mức +35 (m).
 - c) Không gian khai thác được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (bản đồ khu vực khai thác) kèm theo Giấy phép này.
4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn:
 - Khoáng sản chính đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (nhóm III): 1.526.402 m³ (trữ lượng tính đến 30/6/2025).
 - Khoáng sản đi kèm: 0.0 (m³).
5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: 1.902.430 m³ (trong đó: trữ lượng còn lại tính từ ngày 01/7/2025 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 là 1.680.591 m³; trữ lượng phần huy động bổ sung của dự án là 221.839 m³), trong đó:
 - Trữ lượng cấp 121: 58.000 m³.
 - Trữ lượng cấp 122: 1.844.430 m³.
 - b) Khoáng sản đi kèm: 0.0 (m³).
6. Công suất khai thác tối đa: 170.000 (m³/năm).
7. Thời hạn khai thác: đến hết tháng 8 năm 2036.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Võ Núi nhằm bảo đảm hoạt động khai thác khoáng sản được thực hiện đúng các nội dung đã được cấp phép và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần Võ Núi có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

b) Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 17/8/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch UBND xã Hữu Lũng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Võ Núi chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - BNNMT;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày /../2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 107 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2383 808,44	407 933,72
2	2384 185,71	407 991,18
3	2384 051,00	408 315,32
4	2383 792,43	408 003,51
Diện tích: 7,65 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất (m): +295		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m): +35		

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Xem xét Công văn số 40/CV-CTCPVN ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần Võ Núi về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng (nay là xã Hữu Lũng), tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-SNNMT ngày 21/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân,

huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn*) do Công ty cổ phần Võ Núi là chủ dự án, thực hiện tại xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty cổ phần Võ Núi có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án Cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã Hữu Lũng; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Võ Núi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh



Số: 1756-2026-KQPT/ND.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN VỎ NÓI
Tên mẫu : Nước dưới đất Mã mẫu : 05.ND.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
				05.ND.260731	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,8 – 8,5
2	DO	mg/l	TCVN 7325:2016	6,9	-
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	9	-
4	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001- 1:2021	<LOQ (LOQ=3)	-
5	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	9	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	0,08	1
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996	25,6	250
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,63	15
9	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=2)	3

Ghi chú:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
- Vị trí lấy mẫu:
- + 05.ND.260731: Mẫu nước giếng khoan tại mỏ
- + Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu
- Quy chuẩn so sánh:

X= 2383724, Y= 407942

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

+ QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Vô Chí Linh

- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo | - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm | |
| - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng | |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | |



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1755-2026-KQPT/KX.184

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm quan trắc : Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN VỎ NÓI
Tên mẫu : Khí xung quanh Mã mẫu : 05.KX1.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023 /BTNMT
				05.KX1 .260731	05.KX2 .260731	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,7	32,4	-
2	Độ ẩm	%		82,5	74,9	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,4	1,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,1	66,4	70 ⁽¹⁾
5	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	44,8	31,3	75 ⁽²⁾
6	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	200	179	300
7	CO	µg/Nm ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	KPH (MDL=6.000)	KPH (MDL=6.000)	30.000
8	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971- 1995	KPH (MDL=90)	KPH (MDL=90)	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	36	38	200

Ghi chú:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

- Vị trí lấy mẫu:

+ 05.KX1.260731: Mẫu không khí ngã ba đường liên thôn rẽ vào mỏ (cách 600m) X= 2383704, Y= 407903

+ 05.KX2.260731: Mẫu không khí khu dân cư phía Nam dự án X= 2383310, Y= 407741

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 1 - Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (Khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

+ ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 1 – Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động xây dựng (Khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026
GIÁM ĐỐC

Vũ Chí Linh





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường

Số : 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1754-2026-KQPT/KM.184

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ NÓI
Tên mẫu : Không khí môi trường lao động Mã mẫu : 05.KM1.260731
05.KM2.260731
05.KM3.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 03
Thời gian phân tích : 31/07/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 03:2019/ BYT
				05.KM1 .260731	05.KM2 .260731	05.KM3 .260731	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	29,4	32,0	33,4	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		69,4	71,1	76,2	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,44	0,41	0,82	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	61,3	71,5	84,1	85 ⁽²⁾
5	Độ rung	dB	TCVN 5127 : 1990 TCVN 6964-1 : 2001	0,0003	0,0013	0,0057	0,4 - 1,5 ⁽³⁾
6	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,217	0,402	1,781	8 ⁽⁴⁾
7	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	40
8	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,00015)	KPH (MDL=0,00015)	KPH (MDL=0,00015)	10
9	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	10

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + 05.KM1.260731: Không khí khu vực văn phòng
- + 05.KM2.260731: Không khí khu vực khai trường
- + 05.KM3.260731: Không khí khu vực trạm nghiền
- + Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn);
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- + ⁽⁴⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. Bùi Ngọc Bình

GIÁM ĐỐC



Võ Chí Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1753-2026-KQPT/Đ.184

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồ Dừng, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN VỎ NÓI
Tên mẫu : Mẫu đất Mã mẫu : 05.Đ1.260731
05.Đ2.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2023 /BTNMT Loại 3
				05.Đ1 .260731	05.Đ2 .260731	
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMWEWW 3113B:2023	2,60	0,85	200
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2023	0,245	0,127	60
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMWEWW 3113B:2023	35,90	24,20	700
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2023	23,19	17,96	2.000
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2023	13,20	13,69	2.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 05.Đ1.260731: Mẫu đất trong khu vực mỏ

X= 2383765, Y= 407960

+ 05.Đ2.260731: Mẫu đất ngoài khu vực mỏ

X= 2383310, Y= 407740

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Loại 3).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ThS. Bùi Ngọc Bình



Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện
- QT 1.11 - BM02 Kết quả thử nghiệm
ban hành lần 4

